TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

2. Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyen Thi Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đoan Tan Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Số X, đường Y, Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyen Thi Thanh T trình bày:

Bà Nguyen Thi Thanh T và ông Đoan Tan Đ kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà T và ông Đoan Tan Đ có 01 con chung là cháu Doan Nguyen Tan H, sinh ngày 27/7/2014. Khoảng hơn hai năm nay bà T và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Đ không lo làm ăn chỉ ăn chơi, không lo cho gia đình, vợ chồng đã ly thân 02 năm không hàn gắn được, hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đoan Tan Đ. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Doan Nguyen Tan H, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đoan Tan Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống Đ hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đoan Tan Đ không đến Tòa án tham gia phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyen Thi Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Đoan Tan Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật; bị đơn ông Đoan Tan Đ không thực hiện đúng quyền nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 20/5/2020, bà Nguyen Thi Thanh T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Đoan Tan Đ nên đây là vụ án "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn ông Đoan Tan Đ sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số X, đường Y, Khu phố Z, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tòa án đã tống Đ hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn là ông Đoan Tan Đ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyen Thi Thanh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi Thanh T và ông Đoan Tan Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2014, quyển số 01

ngày 20/8/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, bà T và ông Đ thường thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Đ không lo làm ăn chỉ ăn chơi, không lo cho gia đình. Bà T và ông Đ ly thân hơn 02 năm nhưng vợ chồng không hàn gắn được, hôn nhân không có hạnh phúc, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đoan Tan Đ. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà T và ông Đ đã ly thân hơn 02 năm nhưng không hàn gắn được, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông Đ không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyen Thi Thanh T và ông Đoan Tan Đ có một con chung là cháu Doan Nguyen Tan H, sinh ngày 27/7/2014. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Xét thấy, cháu H hiện còn nhỏ và đang sống cùng bà T nên giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyen Thi Thanh T không yêu cầu ông Đoan Tan Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyen Thi Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Thanh T đối với bị đơn ông Đoan Tan Đ.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyen Thi Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Đoan Tan Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Thanh T đối với ông Đoan Tan Đ về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi Thanh T được ly hôn đối với ông Đoan Tan Đ.

- Về con chung: Bà Nguyen Thi Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Doan Nguyen Tan H, sinh ngày 27/7/2014.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Doan Nguyen Tan H, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyen Thi Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041948 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga